

Chính sách khoa cử của triều Mạc và vai trò của Nguyễn Bình Khiêm

Nguyễn Hữu Tâm¹

Tóm tắt: Trong đội ngũ trí thức nho học tài danh được đào tạo dưới triều Mạc, Nguyễn Bình Khiêm là một trong những nhân vật có ảnh hưởng nhất của lịch sử cũng như văn hóa Việt Nam trong thế kỷ XVI. Việc phụng sự triều Mạc hết lòng của Nguyễn Bình Khiêm là kết quả của một quá trình chiêm nghiệm thực tế, nắm bắt được sự phát triển thời cuộc của một nho sĩ thức thời ở thế kỷ XVI. Ông được biết đến nhiều vì tư cách đạo đức, tài thơ văn của một nhà giáo có tiếng thời kỳ Nam - Bắc triều (Lê - Mạc phân tranh) cũng như tài tiên tri các tiến triển của lịch sử Việt Nam. Người đời coi ông là nhà tiên tri số một trong lịch sử Việt Nam, đồng thời lưu truyền nhiều câu sấm ký được cho là bắt nguồn từ ông và gọi chung là Sấm Trạng Trình.

Từ khóa: Nguyễn Bình Khiêm; triều Mạc.

Abstract: Among the talented and renowned Confucian intelligentsia trained under the Mac dynasty, Nguyen Binh Khiem is one of the most influential characters of the Vietnamese history and culture in the 16th century. His wholehearted service towards the dynasty was the result of a process of studying the reality and apprehending the course of development by a Confucian scholar who was abreast of his times. Nguyen Binh Khiem was well-known not only as a teacher highly esteemed for the morality and literary talent, but also as a prophet who foretold the developments of Vietnam - he is considered the No.1 forecaster in the country's history. People pass to one another words of predictions thought to have been spoken by him, which are called the Oracles by First Doctoral Candidate Trinh (named after the title conferred on him by the royal court).

Keywords: Nguyen Binh Khiem; Mac dynasty.

1. Mở đầu

Triều Mạc ra đời trong bối cảnh quốc gia Đại Việt ở cuối thế kỷ XV, đầu thế kỷ XVI khủng hoảng sâu sắc, biến loạn triều chính, hỗn chiến phe phái, các cuộc khởi nghĩa nổi lên khắp nơi. Tuy vậy, trong một thời gian ngắn, triều Mạc nhanh chóng xây dựng và kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền trung ương và địa phương. Trong hơn 60 năm trị vì tại Thăng Long, triều Mạc để lại thành tựu trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân

sự... Đặc biệt, triều Mạc đã quan tâm và coi trọng giáo dục khoa cử, thực hiện theo mục đích: “Dùng văn giáo mà rèn luyện nhân tài, sửa trường học để mở rộng nền giáo dục, ban học quy để cổ vũ lòng hăng hái” [7, tr.187]. Bài viết trình bày khái quát chính sách giáo dục khoa cử của triều Mạc (1527-1592) và vai trò của nhà Nho học Nguyễn Bình Khiêm.

¹ Tiến sĩ, Viện Sử học. ĐT: 0989329690. Email: youxin210@gmail.com

2. Chính sách khoa cử của triều Mạc

Trong hai thập kỷ cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, giới khoa học xã hội ở trong và ngoài nước đã khẳng định vai trò chính thống và đóng góp tích cực của triều Mạc đối với tiến trình lịch sử Việt Nam.

Sự xuất hiện của triều Mạc vào cuối thập kỷ thứ ba của thế kỷ XVI đã tạm thời chấm dứt gần hai thập kỷ khủng hoảng của triều Lê. Tháng 5 ngày mùng 5 năm Đinh Hợi (khoảng tháng 6-1527), Mạc Đăng Dung từ quê hương ở làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương trở về Kinh sư (Thăng Long), ép vua Lê Cung Hoàng nhường ngôi. Theo nhóm sử thần triều Lê viết trong *Đại Việt sử ký toàn thư* và sử gia Lê Quý Đôn chép trong *Đại Việt thông sử* cho biết: “Lúc này thần dân phần nhiều xu hướng về Đăng Dung, đều ra đón y về Kinh đô” [12, tr.108; 3, tr.326]. Nhưng nhằm hợp thức hóa, Mạc Đăng Dung bắt nhà vua phải lập chiếu nhường ngôi. Mạc Đăng Dung muốn Hoàng giáp Lại bộ Thượng thư là Trương Phu Duyệt người xã Kim Đâu, huyện Thanh Miện (nay là xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện, Hải Dương) khởi thảo, nhưng Duyệt kiên quyết cự tuyệt, không chịu viết, còn trừng mắt quát to: “Thế nghĩa là gì”? Đông các Đại học sĩ Đạo nguyên bá Nguyễn Văn Thái thảo tờ chiếu này [12, tr.108].

Nội dung chiếu nhường ngôi có đoạn như sau: “Ta (vua Cung Hoàng) không có đức, lạm giữ ngôi trời, việc gánh vác không kham nổi. Mệnh trời lòng người đều theo về người có đức. Xét Thái sư An hưng vương Mạc Đăng Dung nhà người, bẩm tính thông minh, sáng suốt, có tài lược văn võ. Bên ngoài đánh dẹp bốn phương, các nơi đều phục tùng; bên trong coi sóc trăm

quan, mọi việc đều tốt đẹp. Công to đức lớn, trời cho người theo. Nay ta cân nhắc lẽ phải, nên nhường ngôi cho” [12, tr.108].

Ngay trong ngày công bố chiếu thư, Mạc Đăng Dung lên ngôi, xưng là Hoàng đế, đặt niên hiệu là Minh Đức, ban bố lệnh Đại xá trong toàn cõi, phế truất vua Cung Hoàng thành Cung Vương, giam cùng Thái hậu ở cung Tây Nội, vài tháng sau Đăng Dung bắt Cung Vương và Thái hậu phải tự tử.

Sau một trăm năm thống trị đất nước (1428-1527) với 10 đời vua ở ngôi, cuối cùng triều Lê tạm thời đứt đoạn mạch vương vị do Lê Thái Tổ mở đầu (1428-1433). Mạc Đăng Dung bằng tài năng và trí lực nắm bắt được thời cơ, lật đổ triều Lê lập ra vương triều Mạc, tiếp tục trị vì quốc gia Đại Việt.

Triều Mạc ra đời trong hoàn cảnh đất nước vừa trải qua một thời kỳ khủng hoảng với nhiều cuộc khởi nghĩa kéo dài trong gần 20 năm. Chiến tranh liên miên tạo thành tình trạng đất nước điêu linh, dân tình khốn khổ, tâm lý hoang mang, lo sợ lan tràn trong toàn xã hội. Đặc biệt, đội ngũ quan lại cũng rất phân tán, dao động, trước biến chuyển mạnh mẽ của thời cuộc. Chính quyền triều Mạc trong buổi ban đầu dựng nghiệp phải đương đầu với không ít những khó khăn, trở ngại ở bên trong (đối nội) và cả bên ngoài (đối ngoại triều Minh).

Công việc bức thiết đầu tiên mà triều Mạc phải thi hành là nhanh chóng xây dựng và kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền trung ương và địa phương. Do lo sợ chính quyền mới thành lập chưa theo dòng chính thống, không nắm bắt được lòng người, e ngại đội ngũ quan lại còn nhớ tới vua cũ

(triều Lê), triều Mạc đã tuân giữ pháp độ của triều Lê, không dám thay đổi, phủ dụ lòng dân [12, tr.110], giữ nguyên mô hình thiết chế và tổ chức chính quyền được xây dựng khá hoàn chỉnh thời Lê Thánh Tông (1460-1497). Đặc biệt, triều Mạc chú trọng đến việc xây dựng và củng cố quân đội từ trung ương đến các cấp địa phương, nhằm đảm bảo cho lực lượng này có đủ khả năng để trấn áp sự phản kháng của dân chúng và quan trọng hơn là đối phó với các thế lực thù địch. Với những chính sách kịp thời về chính trị, sử dụng hiền tài thích hợp và tăng cường lực lượng quân sự hữu hiệu, chỉ trong vòng hơn một năm cầm quyền, vương triều Mạc đã nhanh chóng tạm ổn định được trật tự xã hội và có thời gian để chăm lo đến các lĩnh vực kinh tế, đẩy mạnh nền văn hóa giáo dục trong nước.

Trong việc xây dựng và củng cố thể chế chính quyền, triều Mạc hoàn toàn ứng dụng phép cũ của triều Lê, thi hành chính sách tranh thủ nho sĩ, tầng lớp đông đảo và có thế lực trong xã hội. Triều Mạc đã chú ý việc đào tạo cho vương triều mình một đội ngũ quan lại thông qua hình thức thi cử. Đây là chính sách đối nội quan trọng thứ hai sau chính sách kiện toàn và củng cố lực lượng quân sự của triều Mạc.

Khi nhà Mạc lên ngôi, trong tầng lớp sĩ phu triều Lê đã và đang có sự phân hóa mạnh mẽ, một phần thì ẩn náu chạy trốn vào núi rừng, người thì ẩn giấu họ tên không chịu ra [12, tr.110-111] hoặc tìm cách chống đối triều Mạc, khôi phục triều Lê. Sử dụng lại đội ngũ quan lại triều Lê để bổ sung vào bộ máy chính quyền của vương triều còn non trẻ là một biện pháp khá thiết thực và hiệu quả của nhà Mạc. Trước nhu

cầu cấp thiết nhằm xây dựng và củng cố chính quyền mà tầng lớp quan liêu nho sĩ đóng vai trò then chốt, vương triều Mạc đã quan tâm và coi trọng giáo dục khoa cử.

Một trong những công việc cần thiết để tạo ra đội ngũ quan lại của vương triều là mở các khoa thi tiến sĩ. Việc tổ chức thi cử này không nằm ngoài mục đích xây dựng một tầng lớp trí thức Nho học trung thành với triều Mạc, phò tá cho triều Mạc tồn tại và phát triển. Ngoài ra, các ông vua đầu triều Mạc còn nhằm mục đích tranh giành ảnh hưởng đối với các nho sĩ còn đang chần chừ, do dự trước biến động của thời cuộc, tranh thủ thu hút cả những nho sĩ đang phụng sự triều Lê. Có thể nhận thấy, từ khi giành vương quyền năm 1527 cho đến khi buộc phải rút lui khỏi Thăng Long, triều Mạc không lúc nào sao nhãng việc giáo dục thi cử. Đến năm 1592, quân Mạc thua to, phải bỏ Kinh đô, Mạc Mậu Hợp vẫn tổ chức được kỳ thi tiến sĩ cuối cùng tại hành doanh Bồ Đề. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép về kỳ thi này như sau: “Nhâm Thìn [Quang Hưng] năm thứ 15 (1592), (Mạc Hồng Ninh năm thứ 2), tháng 3 (khoảng tháng 4 năm 1592)... Họ Mạc mở khoa thi Hội, cho bọn Phạm Hữu Năng 4 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Hữu Đức 13 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân” [12, tr.174].

Hơn 60 năm trị vì tại Kinh đô Thăng Long, các vua triều Mạc tổ chức được 22 kỳ thi Hội, lấy đỗ 485 tiến sĩ, trong đó có 13 Trạng nguyên và nhiều nho sinh chưa được vinh danh nơi bảng rồng. Điều đó chứng tỏ sự quan tâm đặc biệt tới giáo dục khoa cử của triều Mạc. Trong lịch sử giáo dục khoa cử phong kiến của Việt Nam, sau

triều Lê Thánh Tông, duy nhất có triều Mạc liên tục thực hiện được qui chế tuần tự ba năm tổ chức một khoa thi. Số lượng khoa thi và số người đỗ tiến sĩ dưới triều Mạc cũng có thể so sánh với số khoa thi cùng người đỗ đại khoa (tiến sĩ) thời Lê sơ.

Để khuyến khích, cổ vũ những sĩ tử học tập, đề cao khoa cử, Mạc Đăng Dung cũng theo lệ năm 1484 dưới triều Lê Thánh Tông, cho lập bia đá, ban thưởng những người trúng tuyển. Nhưng do chiến tranh liên miên, việc lập bia tiến sĩ của triều Mạc chỉ thực hiện một lần vào khoa thi đầu tiên Kỷ Sửu năm Minh Đức thứ 3 (1529) đời Mạc Đăng Dung. Nội dung của bài văn bia này đã phản ánh chính sách trân trọng hiền tài, chú trọng nho học của triều Mạc: “Vâng mệnh Hoàng đế, để chúc mừng nền nho học, bề tôi xin kính cẩn, chấp tay cúi đầu mà dâng lời nói rằng: Đạo trời hòa hợp thì hào kiệt trong thiên hạ được sinh ra; Vua hưng thịnh thì hào kiệt trong thiên hạ được thu dùng. Thời buổi vua hiền tôi giỏi, cơ hội trên gọi dưới theo, không phải là ngẫu nhiên vậy”; “Những kẻ sĩ hào kiệt đều do khoa cử mà ra... Về sau đến các đời Hán, Đường, Tống cùng nước Đại Việt ta, vua hiền đức kế tiếp nhau trị vì đều lấy khoa mục làm bậc thang cho hào kiệt tiến lên”; “Kính nghĩ: Thánh thiên tử là người thông minh hơn đời, mở mang việc tốt cho nước. Dùng võ công mà định đoạt thiên hạ, dùng văn giáo mà rèn luyện nhân tài, sửa trường học để mở rộng nền giáo dục, ban học quy để cổ vũ lòng hăng hái. Nhân văn được trau dồi, thi cử được đổi mới. Phàm những điều lệ về thi cử, ban ân vinh theo cấp bậc, so với thời xưa đều rõ ràng và đầy đủ hơn nhiều”; “Kẻ sĩ được gặp gỡ Thánh triều, được hấp thụ

nền giáo hóa tốt đẹp mới, được thi đậu tiến lên con đường vẻ vang, lại khắc tên vào bia đá há không phải vinh hạnh lắm ru! Vậy nên cảm phục đức lớn, gắng gỏi tiến lên, lấy trung thành làm nếp, lấy lễ nghĩa làm khuôn, tâm thuật phải ngay thẳng, làm nên nghiệp to lớn và lâu dài” [7, tr.186-187].

Năm 1582, Đề điệu Thiếu bảo Thao quận công Trần Thị Thắm đã dâng sớ tâu bày việc tiếp tục thịnh điển dựng bia đá và ghi vào sổ vàng (Quế lục) những người thi đỗ. Nhưng công việc đó không thực hiện được do trong nước đang thời kỳ lắm việc, nên chưa thi hành [3, tr.426].

Về nội dung giáo dục thi cử, triều Mạc đều nhất nhất tuân theo thể lệ của triều Lê, từ việc lựa chọn sĩ tử ứng thí đến việc ra đề thi, chấm thi, quan coi thi, lệ ban thưởng, khắc bia đá. Như vậy, triều Mạc đã nghiêm chỉnh chấp nhận và tiếp tục củng cố nền giáo dục khoa cử mang nội dung Nho giáo mà triều Lê, nhất là vua Lê Thánh Tông, đã dày công vun đắp. Vì vậy, nội dung giáo dục khoa cử của triều Mạc hướng đến cũng không nằm ngoài nội dung các sách kinh điển Nho giáo mà từ triều Lê đã đưa thành điển lệ khuôn mẫu. Do thời gian quá dài, lại trải qua các cuộc binh hỏa của các đời Lê, Trịnh sau này, khiến ngày nay không còn nhiều tư liệu để thẩm định, đánh giá về nội dung giáo dục khoa cử của triều Mạc. Chúng ta chỉ có thể dựa vào những điều lệ của triều Lê còn lại để xem xét và thông qua những nhận xét của hậu thế để hiểu thêm về nền giáo dục khoa cử triều Mạc.

Phạm Đình Hổ, một nhân vật lịch sử sống vào cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX, trong sách *Vũ trung tùy bút* đã phân tích,

đánh giá về nội dung thi cử của các đời như sau: “Khoảng đời Minh Đức (niên hiệu của Mạc Đăng Dung 1527-1529), Đại Chính (niên hiệu của Mạc Đăng Doanh (1530-1540), khí thế ngày càng kém. Những kẻ tao nhân văn sĩ đều đua chen nhau theo lối phù phiếm, so với triều Lê càng kém lắm. Song thời Mạc còn chưa đến nỗi hủ lậu nên học vấn, văn chương, chính sự, công nghiệp cũng không kém cổ nhân mấy” [5, tr.156]; “Ta thấy năm Hồng Đức 21 (1491) có ra bài Chế sách rằng: từ đời xưa có đáng minh Vương, thánh Chúa trị trong cõi đời, đều phải cất trong, bỏ đục, chuộng tài bỏ tham là việc trước nhất... Đầu bài Văn sách thi đó 200 chữ, đại lược trích hỏi về những sự hay dở của đời xưa, rồi đến những việc thi hành đời bấy giờ. Bài văn hỏi một cách bao hàm rộng rãi, không phải người học quán xuyên cổ kim thì không thể hạ bút viết được. Vậy nên chọn được nhiều người tài giỏi. Những đời gần đây, không thể sánh kịp. Từ đời Diên Thành (niên hiệu của Mạc Mậu Hợp (1578-1585), nền nếp ấy vẫn còn” [5, tr.169].

Qua nội dung thi Hương, thi Hội của triều Lê và nhận xét của Phạm Đình Hổ, chúng ta nhận thấy nhà Mạc tổ chức giáo dục thi cử, nội dung chính vẫn dựa trên nền tảng Nho giáo mà nhà Lê đã xây dựng. Nền giáo dục khoa cử phần nào tiếp thu được “học phong” của thời Lê sơ [10, tr.30].

Văn tự sử dụng trong giáo dục thi cử triều Mạc vẫn là chữ Hán, song chữ Nôm cũng được nhà Mạc chú trọng, tiếp nối thành tựu của các triều đại trước trong thi cử. Khoa thi Hội năm Ất Sửu (1565) đời vua Mạc Mậu Hợp, tiến sĩ Nguyễn Văn Huy đã được chọn tuyển bằng một bài phú

Nôm ở kỳ thi đệ tứ. Đây là một trường hợp hiếm hoi trong lịch sử thi cử trong thời kỳ phong kiến của Việt Nam [9, tr.30]. Chúng ta chưa có thêm tư liệu để minh chứng triều Mạc đã đưa chữ Nôm vào chương trình giáo dục và đề thi Nôm đã trở thành một trong những đề thi bắt buộc ở khoa thi Hương hay thi Hội. Song, việc chấp nhận và chấm đỗ bài phú Nôm cho thấy các vua Mạc tôn trọng chữ Nôm. Đây chính là một biểu hiện tiến bộ hơn so với nền giáo dục khoa cử của các vương triều trước, kể cả thời Lê sơ.

Chính sách quan tâm tới giáo dục thi cử ở triều đình và ở các địa phương của triều Mạc tạo ra một khí thế học tập rầm rộ trong cả nước. Chính cái học phong này góp phần đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục thi cử của triều Mạc. Không phải ngẫu nhiên mà ngay từ khoa thi Hội đầu tiên triều Mạc mở năm 1529 có tới hơn 4 nghìn sĩ tử “lều chõng”, đua chen nhau đến trường thi. Bài văn bia của khoa thi này cho biết: “Năm Kỷ Sửu, niên hiệu Minh Đức, Hoàng thượng lên ngôi được 3 năm. Đó là khởi thủy của nền văn minh trong trời đất. Năm ấy mở khoa thi lớn. Kẻ sĩ hát bài Lộc Minh mà đến đông tới hơn bốn nghìn người” [7, tr.185]. Cho tới khi thất thế phải chạy trốn lên Cao Bằng, nhà Mạc vẫn quan tâm đến giáo dục thi cử.

Triều Mạc để lại nhiều thành tựu đáng kể, trong đó có sự nghiệp giáo dục khoa cử. Chính nhờ đó, đội ngũ trí thức Nho học xuất sắc với nhiều tên tuổi nổi tiếng như Nguyễn Bình Khiêm, Giáp Hải, Nguyễn Thiến... đã xuất hiện, tham gia triều chính, góp phần đắc lực cho triều Mạc tồn tại và phát triển. Cũng chính nhờ có sự quan tâm

thích đáng của các ông vua triều Mạc mà nhiều nhà trí thức thời này còn rạng danh trong lịch sử giáo dục và lịch sử văn học Việt Nam trung đại. Đó là thầy giáo Nguyễn Bình Khiêm với tập thơ *Nôm Bạch Vân quốc ngữ*, bảng nhãn Bùi Vịnh với bài phú *Cung trung bảo huấn*, tiến sĩ Nguyễn Dữ với Truyền kỳ mạn lục được mệnh danh là “Thiên cổ kỳ bút”...

Nhà bác học Phan Huy Chú đã tổng kết về sự quan tâm tới giáo dục thi cử cùng tác dụng quan trọng của nó trong việc xây dựng và củng cố vương triều Mạc: “Nhà Mạc thì sau hai khoa Minh Đức, Đại Chính vẫn theo lệ 3 năm một khoa, dẫu bận chiến tranh mà vẫn không bỏ thi cử, vì thế được nhiều người tài giỏi giúp việc giữ nước chống với nhà Lê, kéo dài đến hơn 60 năm, ấy cũng là cái công hiệu của khoa cử đó” [2, tr.26].

3. Vai trò của Nguyễn Bình Khiêm

Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585), người làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại (nay là huyện Vĩnh Bảo) từ thuở thiếu thời chịu ảnh hưởng bởi sự giáo dục của gia đình, đặc biệt tiếp thu kiến thức sâu sắc từ mẹ đẻ của mình.

Theo sử sách, ngay từ khi mới sinh ra Nguyễn Bình Khiêm đã nổi tiếng “mặt mũi tinh anh, khôi vĩ, đầy một năm đã biết nói, năm lên bốn, mẹ đem những câu chính văn trong Kinh Truyện ra dạy. Ông miệng đọc thuộc lầu ngay” [4, tr.447].

Ngoài việc học tập từ mẹ đẻ, thông thạo kinh sử, thơ văn, lớn lên Nguyễn Bình Khiêm còn theo học bảng nhãn Lương Đắc Bằng, người quê xã Trác Vĩnh, huyện Cổ Hoảng (nay là thôn Hội Triều, xã Hoảng Phong, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Trong thời gian thụ nghiệp, ông được thầy

học truyền dạy cho bộ *Thái Ất thần kinh* đem về trong đợt đi sứ phương Bắc. Trước khi từ trần, bảng nhãn họ Lương còn ủy thác cho Nguyễn Bình Khiêm trách nhiệm chăm nom, dạy dỗ đứa con di phúc duy nhất của mình là Lương Hữu Khánh. Ông đã thực hiện xuất sắc di ngôn của thầy, nên đã “chăm sóc Hữu Khánh như con, dạy cho đến lúc thành danh” [4, tr.447].

Nguyễn Bình Khiêm đã chứng kiến bao thăng trầm, biến cố suy vi của lịch sử triều Lê. Ông cũng là chứng nhân của các cuộc khởi nghĩa liên tục trong hai thập kỷ đầu của thế kỷ XVI, đồng thời tận mắt được thấy sự ra đời của vương triều Mạc cùng những sự đổi thay của xã hội trong giai đoạn này, nhất là vùng quê Vĩnh Lại của ông, trung tâm dựng nghiệp của nhà Mạc. Thư tịch đã ghi chép khá cụ thể về các chính sách được thực thi trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa giáo dục của triều Mạc. Các sử gia đời sau đều phải ca ngợi thành quả thu được bước đầu của chính quyền họ Mạc. Sử gia Lê Quý Đôn chép: “Đặng Doanh thấy trong nước còn nhiều trộm cướp, bèn hạ lệnh nhân dân các xứ, không được mang gươm giáo, dao nhọn và các đồ binh khí đi ngoài đường. Nếu kẻ nào dám trái lệnh, cho pháp ty bắt trị tội. Từ đấy, những người đi buôn bán chỉ đi tay không, không phải đem khí giới tự vệ, trong khoảng mấy năm trộm cướp biệt tăm, súc vật chăn nuôi, tối đến không phải dồn vào chuồng, cứ mỗi tháng một lần kiểm điểm thôi. Mấy năm liền được mùa, nhân dân bốn trấn đều được yên ổn” [3, tr.342]. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cũng chép tương tự như sử gia họ Lê và có thêm những chi tiết minh họa sinh động hơn: “Trong khoảng vài năm, người đi đường không nhặt của

roi, cổng ngoài không phải đóng, được mùa liên tiếp, trong cõi tạm yên” [12, tr.115].

Nguyễn Bình Khiêm từng được hưởng một nền thái bình thịnh trị tạm thời trong khoảng vài năm [12, tr.115] do triều Mạc tạo dựng, đồng thời ông cũng phần nào nhận biết được chính sách sử dụng hiền tài cùng chế độ giáo dục khoa cử của triều Mạc thi hành. Ông đã có hơn 30 năm sinh sống dưới triều Lê, nhưng chưa một lần lều chõng nơi trường thi. Ông nổi tiếng hay chữ ở vùng sông nước xứ Đông, kiến thức nho gia kinh điển, cùng sự hiểu biết sâu sắc về Đạo giáo, lý học Tống, Minh. Ông cũng thấu rõ nguyên lý của nho sĩ theo đường khoa cử để “tiên vi quan, đạt vi sư”. Nhưng vì sao ông không tham dự các kỳ thi đầu của triều Mạc mà phải đợi đến 8 năm sau mới ra ứng thí? Mặc dù không ít bằng hữu của ông đã tham gia thi cử, bước vào con đường chính trị với triều Mạc và cũng từng khuyên nhủ ông ra khỏi chốn “ẩn cư” để “nhập thế” [4, tr.448]. Lúc này, ông đã trên bốn mươi tuổi, “tứ thập nhi bất hoặc” khi không còn điều gì còn phải nghi ngờ nữa.

Ông cũng như nhiều nhà Nho khác cùng thời theo quan niệm của đạo thánh hiền, không đồng tình với việc Mạc Đăng Dung giết vua cướp ngôi. Đây là một trong những nguyên nhân ông không ra phụng sự triều Mạc ngay từ buổi đầu. Nhưng ông cũng không thể lánh xa khỏi thời cuộc, bởi vì trong suy nghĩ riêng của mình, Nguyễn Bình Khiêm vẫn luôn đau đáu tấm lòng muốn giúp đời, quan tâm đến sự bình an của xã hội, đời sống khổ cực của dân chúng. Quan trọng hơn thời điểm này là nguy cơ xâm lược thường trực của ngoại bang phương Bắc, đe dọa sự tồn vong của

dân tộc của đất nước. Đến một người dân lao động bình dị còn phải lo lắng trước vận mệnh đất nước, huống hồ một người hiểu biết thời cuộc như ông làm sao có thể “bình chân như vại” được chứ! Ông từng thổ lộ tư tưởng yêu nước nhiệt thành, “ưu thời mẫn thế” của mình vào thơ văn: “Nguy thời hoảng tể quý vô tài” (Giúp nước đời nguy, chẳng thẹn tài), hay “Lão lai vị ngã tiên ưu chí” (Tám lòng tiên ưu đến già chưa thôi) hoặc “Khu khu ưu quốc mẩn thành ty” (Khư khư tám lòng lo nước, mái tóc bạc như tơ).

Chắc chắn sau một thời gian dài suy xét, chiêm nghiệm, trăn trở và có phần đắn đo, Nguyễn Bình Khiêm đã quyết định dứt khoát: đi thi và phụng sự vương triều Mạc. Năm 1535 ông tham dự kỳ thi thứ ba của triều Mạc tổ chức và giành ngôi cao nhất của thi Hội là đỗ Trạng nguyên. Để thể hiện thái độ thức thời của mình trước một xã hội mới có những biến chuyển tích cực, ông đã làm bài thơ Nôm ngợi ca sự thịnh trị của triều Mạc với những câu: “Mừng thấy thời văn đời mở trị/Thái bình Thiên tử, thái bình dân” [11, tr.15].

Từ khi ra làm quan với triều Mạc, Nguyễn Bình Khiêm đã đem “sở học” của mình hết lòng phụng sự các vua triều Mạc trên mọi lĩnh vực: chính trị, văn học, giáo dục, quân sự..., và ngược lại ông cũng được triều Mạc ưu đãi trọng thị. Đường hoan lộ của Nguyễn Bình Khiêm khá hanh thông hiển đạt, thời gian tham chính không dài, chỉ hơn bảy năm, ông đã nhanh chóng thăng trải nhiều chức vụ quan trọng. Sau khi đỗ Trạng nguyên năm 45 tuổi, ông được bổ chức Đông các Hiệu thư trật Chánh lục phẩm, tiếp theo được sung chức Tả thị lang

bộ Binh trật Tông tam phẩm, rồi lại được thăng Tả thị lang bộ Lại trật Chánh tam phẩm kiêm Đông các đại học sĩ và Nguyễn Bình Khiêm được giữ chức này đến khi về hưu. Dòng lạc khoản của tấm bia quán Trung Tân do chính ông soạn đã ghi rõ: “Tiền sĩ cập đệ khoa Ất Mùi (Vị), Lại bộ Tả thị lang kiêm Đông các Đại học sĩ, tư chính khanh, Trung Am Nguyễn Bình Khiêm soạn” [1, tr.160].

Sách *Nguyễn Công Văn Đạt phả ký* do tiến sĩ Vũ Khâm Lân soạn vào năm 1775, sau khi Nguyễn Bình Khiêm mất được 190 năm cho biết: sau khi về hưu Nguyễn Bình Khiêm mới được phong tước Trình Tuyền hầu, rồi thăng Lại bộ Thượng thư, Thái phó Trình quốc công” [6, tr.53; 1, tr.160]. Như vậy, vào cuối đời, Nguyễn Bình Khiêm đã được triều Mạc ban phong đến tột đỉnh chức tước, Lại bộ Thượng thư có trật Tông nhị phẩm, Thái phó nằm trong hàng Tam công (Thái sư, Thái phó, Thái bảo) trật Chánh nhất phẩm. Theo quy định, vào thời Lê sơ, Thái phó là trọng chức của triều đình, thường trao cho thân thuộc của nhà vua và người có công lớn [8, tr.627].

Khi ở độ tuổi đã cao, Nguyễn Bình Khiêm vẫn tiếp tục cùng các bạn trí thức đồng liêu triều Mạc như Vũ Cán, Nguyễn Mậu (cả hai đều đỗ tiến sĩ khoa thi năm 1502 làm quan triều Lê, sau tham chính triều Mạc) đi tòng chinh dẹp loạn ở vùng núi Tây Bắc: “Niên dư lục thập cường tông nhung/Lưỡng độ kinh qua trú thử phong” (Tuổi quá sáu mươi gắng gượng theo quân/Hai dịp qua đây, dừng lại ở núi này) [11, tr.164].

Vào năm 1542, Nguyễn Bình Khiêm dâng sớ hặc và xin chém hết bọn bề tôi lộng

quyền 18 tên, đồng thời xin về hưu. Tuy vậy, sau khi về theo nghề dạy học, Nguyễn Bình Khiêm vẫn được các vua Mạc thường xuyên vời ra, xin ý kiến. Sử chép: “Ông tuy ở nhà, nhưng vua Mạc tôn như bậc Thầy, khi trong nước có việc quan trọng vẫn sai sứ đến hỏi ông. Có lúc triệu ông về Kinh hỏi mưu kế lớn” [2, tr.449]. Ngược lại, bản thân Nguyễn Bình Khiêm cũng nhiều lần lại tham gia chính trường của triều Mạc.

Theo giới nghiên cứu, Nguyễn Bình Khiêm có ba lần ra làm quan. Khoảng niên hiệu Quang Bảo (1554-1561) khi đã gần độ “xưa nay hiếm” (70 tuổi), ông theo quân thứ triều Mạc làm Tham tán quân cơ đi dẹp loạn ở miền Tây (Hưng Hóa, Tuyên Quang), sáng tác chùm thơ *Tòng Tây chinh*, trong đó có câu: “Đệ tâm lão chuyết vị năng binh/Cưỡng trí tông nhung tán viễn chinh” (Những thẹn thân già kém việc binh/Gắng gượng đi theo cuộc viễn chinh).

Đến năm 1561, khi vừa tròn 70 tuổi, Nguyễn Bình Khiêm một lần nữa thông báo mình đã về hưu: “Niên phương thất thập dĩ hưu quan/Trùng dương u thê mịch cổ san”. (Tuổi vừa bảy chục đã về hưu/Tìm về núi cũ, trướng rủ rèm che nơi vắng vẻ).

Sau đó ông lại ra làm quan cho đến năm 73 tuổi mới chính thức từ giả quan trường về hưu thực sự [4, tr.99].

Ba lần về hưu và cũng từng ấy lần tham gia triều chính của nhà Mạc đã chứng tỏ lòng trung thành cao độ của đại trí thức Nho học Nguyễn Bình Khiêm. Ngay cả đến khi triều Mạc bị triều Lê - Trịnh lật đổ phải tháo chạy khỏi Kinh thành Thăng Long, Nguyễn Bình Khiêm lại gọi ý tử mĩ chu đáo, chỉ bảo cho dư đảng họ Mạc ẩn cư lên Cao

Bằng, kéo dài thêm gần 90 năm tồn tại của hậu duệ nhà Mạc.

Cuộc sống sau khi hưu trí của Nguyễn Bình Khiêm là mở trường Bạch Vân am đào tạo nhân tài cho đất nước. Trường học của thầy Tuyết Giang phu tử không chỉ nổi tiếng trong thế kỷ XVI, mà còn nổi tiếng trong lịch sử giáo dục cổ Việt Nam. Rất nhiều trí thức Nho học có tên tuổi đã theo học và thành danh từ ngôi trường Bạch Vân của Nguyễn Bình Khiêm, đó là Phùng Khắc Khoan, Lương Hữu Khánh, Nguyễn Dữ...

4. Kết luận

Có thể khẳng định, việc phụng sự triều Mạc hết lòng của Nguyễn Bình Khiêm là kết quả của một quá trình chiêm nghiệm thực tế, nắm bắt được sự phát triển thời cuộc của một nho sĩ thức thời. Tấm lòng yêu nước thương dân, lo lắng sự tồn vong của dân tộc là cơ sở vững chắc để ông đưa ra quyết định sáng suốt: phò tá và trung thành trọn đời với vương triều Mạc. Sự tận tụy và lý tưởng cao đẹp của ông (muốn “Thái bình Thiên tử, thái bình dân”) chỉ được thực hiện trong giai đoạn ngắn ngủi đầu triều Mạc, nhưng những cống hiến xuất sắc trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, văn thơ... và đặc biệt trong việc giáo dục đào tạo nhân tài trong thế kỷ XVI của ông vẫn mãi được hậu thế tôn vinh và ngưỡng mộ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Văn hóa, Thông tin và Thể thao (1991), *Nguyễn Bình Khiêm - Danh nhân văn hóa*, Hà Nội.
- [2] Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, t.1,2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Lê Quý Đôn (2007), *Đại Việt thông sử*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [4] Hội đồng lịch sử Hải Phòng, Viện Văn học (1991), “Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học nhân 400 năm ngày mất*, Hải Phòng.
- [5] Phạm Đình Hổ (1972), *Vũ trung tùy bút*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [6] Ngô Đăng Lợi (2000), “Một số vấn đề về thân thế và sự nghiệp Nguyễn Bình Khiêm”, *Nguyễn Bình Khiêm trong lịch sử phát triển văn hóa dân tộc*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [7] Đỗ Văn Ninh (2000), *Văn bia Quốc Tử Giám Hà Nội*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [8] Đỗ Văn Ninh (2002), *Từ điển chức quan Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
- [9] Trần Lê Sáng (1985), *Phùng Khắc Khoan - cuộc đời và thơ văn*, Nxb Hà Nội.
- [10] Nguyễn Hữu Tâm (1991), “Tình hình giáo dục thi cử thời Mạc”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 6 (259).
- [11] *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm* (1983), Nxb Văn học, Hà Nội.
- [12] Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, t.3, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.